

- Dựa vào hình vẽ bên em hãy viết phép nhân và kết quả đúng

- Giáo viên nhận xét tiết học.

- Dặn học sinh về xem lại bài học trên lớp. Xem trước bài: *Thừa số - Tích*

TỰ NHIÊN VÀ XÃ HỘI:
ĐƯỜNG GIAO THÔNG
(Chương trình hiện hành)

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

- Kể được tên các loại đường giao thông và một số phương tiện giao thông.
- Biết được sự cần thiết phải có một số biển báo giao thông trên đường.

2. Kỹ năng: Học sinh nhận biết được một số biển báo giao thông.

3. Thái độ: Giáo dục học sinh yêu thích môn học.

4. Năng lực: Góp phần hình thành và phát triển năng lực tự học, NL giao tiếp – hợp tác, NL giải quyết vấn đề, NL tư duy logic, NL quan sát,...

II. CHUẨN BỊ:

1. Đồ dùng dạy học:

- Giáo viên:

- + Sách giáo khoa, tranh ở sách giáo khoa.
- + 5 bức tranh khổ A3 vẽ cảnh bầu trời trong xanh, sông, biển, đường sắt, 1 ngã tư đường phố, trong 5 bức tranh này chưa vẽ các phương tiện giao thông.
- + 5 tấm bìa: Trong đó 1 tấm ghi chữ đường bộ; 1 tấm ghi đường sắt, 2 tấm ghi đường thủy, 1 tấm ghi hàng không
- + Một số bộ bìa, mỗi bộ gồm 12 tấm bìa nhỏ (6 tấm vẽ 6 biển báo và 6 tấm viết tên 6 biển báo như trong sách giáo khoa).

- Học sinh: Sách giáo khoa.

2. Phương pháp và hình thức tổ chức dạy học:

- Phương pháp vấn đáp, động não, quan sát, thảo luận nhóm, thực hành, trò chơi học tập.
- Kỹ thuật đặt câu hỏi, trình bày một phút, kỹ thuật khăn trải bàn, động não
- Hình thức dạy học cả lớp, theo nhóm, cá nhân.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:

Hoạt động dạy	Hoạt động học
1. HĐ khởi động: (5 phút)	
<p>- Giáo viên nhận xét về tình hình học tập của học sinh trong học kì I.</p> <p>- Giáo viên giới thiệu: Để giúp cho các em nhận biết 1 số biển báo trên đường bộ và tại khu vực có đường sắt chạy qua. Đồng thời biết kể tên các phương tiện giao thông đi trên từng loại đường giao thông... Hôm nay thầy sẽ hướng dẫn các em học bài: <i>Đường giao thông.</i></p>	<p>- Lắng nghe.</p> <p>- Mở sách giáo khoa, 1 vài học sinh nhắc lại tên bài.</p>

2. HĐ hình thành kiến thức mới: (25 phút)

*Mục tiêu:

- Học sinh nhận biết được các loại đường giao thông: đường bộ, đường sắt, đường thủy và đường hàng không.
- Biết tên các phương tiện giao thông đi trên từng loại đường giao thông.

*Cách tiến hành:

Việc 1: Quan sát tranh và nhận biết các loại đường giao thông: đường bộ, đường sắt, đường thủy và đường hàng không.

Mục tiêu: Học sinh nhận biết được các loại đường giao thông: đường bộ, đường sắt, đường thủy và đường hàng không.

Cách tiến hành: Làm việc cả lớp

Bước 1:

- Giáo viên dán 5 bức tranh khổ A3 lên bảng.
- Giáo viên gọi 5 học sinh lên bảng phát cho mỗi học sinh 1 tấm bìa (1 tấm ghi đường bộ, 1 tấm ghi đường sắt, 2 tấm ghi đường thủy, 1 tấm ghi hàng không)
- Yêu cầu học sinh gắn tấm bìa vào tranh cho phù hợp.

Bước 2:

- Giáo viên gọi 1, 2 học sinh nhận xét kết quả làm việc của các bạn.

Kết luận: Có 4 loại đường giao thông là đường bộ, đường sắt, đường thủy và đường hàng không. Trong đường thủy có đường sông và đường biển.

- Yêu cầu học sinh nhắc lại kết luận.

Việc 2: Làm việc với sách giáo khoa.

Mục tiêu: Biết tên các phương tiện giao thông đi trên từng loại đường giao thông.

Cách tiến hành: Làm việc theo cặp – Chia sẻ trước lớp

Bước 1: Làm việc theo cặp

- Giáo viên hướng dẫn học sinh quan sát các hình ở trang 40, 41 trong sách giáo khoa và trả lời các câu hỏi với các bạn (hoặc có thể tự đặt ra các câu hỏi để hỏi nhau). Ví dụ:
 - + Bạn hãy kể tên các loại xe đi trên đường bộ?
 - + Đó bạn, loại phương tiện giao thông nào có thể đi được trên đường sắt?
 - + Hãy nói tên các loại tàu thuyền đi trên sông hay trên biển mà bạn biết?
 - + Đó bạn máy bay có thể đi được đường nào?

Bước 2:

- Giáo viên mời 1 số học sinh trả lời trước lớp

- Học sinh quan sát kỹ 5 bức tranh.

- 5 học sinh gắn 5 tấm bìa vào tranh.

- 2 học sinh nhận xét, chia sẻ-> Hs dưới lớp tương tác.

- Học sinh lắng nghe.

- Học sinh nhắc lại.

- Học sinh quan sát các hình –thảo luận N2 -> chia sẻ trước lớp.

*Dự kiến ND chia sẻ

+Xe đạp, xe ô tô, xe máy,...

+Tàu hỏa,...

+Tàu thủy, thuyền buồm, ..

+Đường hàng không

- Cả lớp, giáo viên theo dõi nhận xét.

Bước 3:

- Giáo viên và học sinh thảo luận 1 số câu hỏi sau:
Ngoài các phương tiện giao thông trong các hình ở sách giáo khoa em còn biết những phương tiện giao thông có ở địa phương em?

***GV kết luận:** Đường bộ dành cho xe đạp, xe máy, xe ô tô, đường sắt dành cho tàu hỏa đường thủy dành cho thuyền, phà ca nô, tàu thủy... còn đường hàng không dành cho máy bay.

- Yêu cầu học sinh nhắc lại kết luận.

Việc 3: Trò chơi *Biển báo nói gì?*

Cách tiến hành:

Bước 1: Làm việc theo cặp

- Giáo viên hướng dẫn học sinh quan sát 6 biển báo được giới thiệu trong sách giáo khoa.

- Yêu cầu học sinh chỉ và nói tên từng loại biển báo. Hướng dẫn các em đặt câu hỏi để phân biệt các loại biển báo. Ví dụ:

+ Biển báo này có hình gì? Màu gì?

+ Đó bạn loại biển báo nào thường có màu xanh?

+ Loại biển báo nào thường có màu đỏ?

+ Bạn phải lưu ý điều gì khi gặp những biển báo này?

Bước 2:

- Giáo viên mời 1 số học sinh trả lời trước lớp.

- Đối với biển báo giao nhau với đường sắt không có rào chắn

(Giáo viên có thể hướng dẫn học sinh cách ứng xử khi gặp biển báo này)

- Trường hợp không có xe lửa đi tới thì nhanh chóng vượt qua đường sắt.

- Nếu có xe lửa sắp đi tới mọi người phải đứng cách xa đường sắt ít nhất 5 m để đảm bảo an toàn.

- Đợi cho đoàn tàu đi qua hẳn rồi mới nhanh chóng đi qua đường sắt.

- Giáo viên hướng dẫn học sinh liên hệ bằng câu hỏi gợi ý:

+ Trên đường đi học em có nhìn thấy biển báo không? Nói tên những biển báo mà em đã nhìn thấy?

+ Theo em, tại sao chúng ta cần phải nhận biết 1 số biển báo trên đường giao thông?

Bước 3: Giáo viên chia nhóm, mỗi nhóm 2 em

- Giáo viên phát cho mỗi nhóm 1 bộ bìa. Trong mỗi nhóm, mỗi học sinh sẽ được chia 1 tấm bìa nhỏ.

- Học sinh thảo luận theo YC câu hỏi.

- Học sinh lắng nghe.

- Học sinh nhắc lại.

- Học sinh quan sát 6 biển báo, thảo luận.

- Học sinh lên trình bày trước lớp.

- Học sinh khác tương tác

- Học sinh liên hệ dựa theo câu hỏi.

- Học sinh nhận bộ bìa.

- Nhóm trưởng giao nhiệm vụ

<ul style="list-style-type: none"> - Khi giáo viên hỏi: “Biển báo nói gì?” thì học sinh tìm nhanh đến đến kết quả. - Giáo viên theo dõi nhận xét, tuyên dương cặp nào tìm đến nhau nhanh nhất. <p>Kết luận: Các biển báo được dựng lên ở các loại đường giao thông nhằm mục đích đảm bảo an toàn cho người tham gia giao thông. Có rất nhiều loại biển báo trên loại đường giao thông khác nhau. Trong bài học chúng ta chỉ làm quen với 1 số biển báo thông thường.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cho học sinh nhắc lại. 	<p>vụ cho các bạn.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh theo dõi. - Học sinh nhắc lại.
<p>4. HĐ vận dụng: (5 phút)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Em hãy kể tên một số loại đường giao thông (hoặc một số phương tiện giao thông mà em biết)?. - Biết được sự cần thiết phải có một số biển báo giao thông trên đường. - Giáo viên chốt lại những phần chính trong tiết dạy. 	
<p>5. HĐ sáng tạo: (2 phút)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giáo viên nhận xét tiết học. - Nhắc học sinh cùng gia đình luôn có ý thức chấp hành luật lệ giao thông. - Dẫn học sinh về xem lại bài học trên lớp. Xem trước bài: <i>An toàn khi đi các phương tiện giao thông.</i> 	

Thứ tư ngày 8 tháng 1 năm 2020

LUYỆN TỪ VÀ CÂU:

TỪ NGỮ VỀ CÁC MÙA.

ĐẶT VÀ TRẢ LỜI CÂU HỎI: KHI NÀO?

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

- Biết gọi tên các tháng trong năm (BT1). Xếp được các ý theo lời bà Đất trong chuyện bốn mùa phù hợp với từng mùa trong năm (BT2).
- Biết đặt và trả lời câu hỏi có cụm từ **Khi nào** (BT3).

2. Kỹ năng: Rèn cho học sinh kỹ năng viết câu.

3. Thái độ: Giáo dục học sinh yêu thích các mùa, yêu thích môn học.

4. Năng lực: Góp phần hình thành và phát triển năng lực: Tự chủ và tự học; Giao tiếp và hợp tác; Giải quyết vấn đề và sáng tạo; Ngôn ngữ; Văn học; Thẩm mỹ.

II. CHUẨN BỊ:

1. Đồ dùng dạy học:

- Giáo viên: Bảng phụ ghi nội dung bài tập 1, bài tập 2, sách giáo khoa.
- Học sinh: Vở bài tập Tiếng Việt.

2. Phương pháp và hình thức tổ chức dạy học:

- Phương pháp vấn đáp, động não, quan sát, thực hành, trò chơi học tập, thảo luận nhóm.
- Kỹ thuật đặt câu hỏi, trình bày một phút, “động não”
- Hình thức dạy học cả lớp, theo nhóm, cá nhân.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC :

Hoạt động dạy	Hoạt động học								
1. HĐ khởi động: (3 phút)									
<ul style="list-style-type: none"> -TBVN bắt nhịp cho lớp hát bài: <i>Tới lớp tới trường.</i> - Giáo viên nhận xét về xác định kiểu câu trong bài thi của học sinh. - Giới thiệu bài mới - Ghi đầu bài lên bảng: <i>Từ ngữ về các mùa. Đặt và trả lời câu hỏi Khi nào?</i> 	<ul style="list-style-type: none"> - Học sinh hát tập thể - Lắng nghe. - Học sinh mở sách giáo khoa và vở bài tập. 								
2. HĐ thực hành (27 phút)									
<p>*Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biết gọi tên các tháng trong năm (BT1). Xếp được các ý theo lời bà Đất trong chuyện bốn mùa phù hợp với từng mùa trong năm (BT2). - Biết đặt và trả lời câu hỏi có cụm từ Khi nào (BT3). <p>*Cách tiến hành:</p>									
<p>Bài 1: Làm việc theo nhóm – Chia sẻ trước lớp</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bài này yêu cầu chúng ta làm gì? - Cho học sinh trao đổi trong nhóm. Và đại diện nhóm trả lời. - Nhận xét và ghi ra theo 4 cột. - Cho đại diện nhóm lên ghi các mùa vào các cột tháng trên, và nói trước lớp tên tháng bắt đầu và kết thúc của mỗi mùa trong năm, lần lượt đủ bốn mùa. <p>- Tổ chức cho học sinh nhận xét. => GV: <i>Cách chia mùa như trên là chia theo âm lịch, trên thực tế thời tiết mỗi vùng khác nhau. Miền Nam chỉ có hai mùa, mùa khô và mùa mưa. Còn miền Bắc có đủ bốn mùa.</i></p> <p>Bài 2: TC Trò chơi Ai nhanh ai đúng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giáo viên tổ chức cho học sinh lên bảng thi xếp các ý vào bảng cho đúng lời bà Đất trong bài Chuyện bốn mùa. Đội nào đúng và xong trước sẽ thắng cuộc. 	<ul style="list-style-type: none"> - Học sinh đọc yêu cầu bài - Thực hiện theo YC. - Thảo luận, tương tác, chia sẻ. - Đại diện lên bảng ghi, chia sẻ trước lớp. <p>*Dự kiến ND chia sẻ:</p> <table border="1"> <thead> <tr> <th>Mùa xuân</th> <th>Mùa hạ</th> <th>Mùa thu</th> <th>Mùa đông</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td><i>Tháng giêng, tháng hai, tháng ba.</i></td> <td><i>Tháng tư, tháng năm, tháng sáu.</i></td> <td><i>Tháng bảy, tháng tám, tháng chín.</i></td> <td><i>Tháng mười, tháng mười một, tháng mười hai</i></td> </tr> </tbody> </table> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận xét bài nhóm bạn. - Nghe, ghi nhớ. <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh tham gia chơi. Học sinh dưới lớp cùng giáo viên làm ban giám khảo. <p>*Dự kiến đáp án của HS chia sẻ:</p> <ul style="list-style-type: none"> +Mùa xuân: ý b +Mùa hạ: ý a 	Mùa xuân	Mùa hạ	Mùa thu	Mùa đông	<i>Tháng giêng, tháng hai, tháng ba.</i>	<i>Tháng tư, tháng năm, tháng sáu.</i>	<i>Tháng bảy, tháng tám, tháng chín.</i>	<i>Tháng mười, tháng mười một, tháng mười hai</i>
Mùa xuân	Mùa hạ	Mùa thu	Mùa đông						
<i>Tháng giêng, tháng hai, tháng ba.</i>	<i>Tháng tư, tháng năm, tháng sáu.</i>	<i>Tháng bảy, tháng tám, tháng chín.</i>	<i>Tháng mười, tháng mười một, tháng mười hai</i>						

<p>- Giáo viên tổng kết trò chơi, tuyên dương học sinh.</p> <p>Bài 3: Làm việc nhóm đôi – Chia sẻ trước lớp</p> <p>- Hướng dẫn cho một em nêu câu hỏi, một em trả lời. Ví dụ: 1 em nêu: +Khi nào học sinh được nghỉ hè? Em kia trả lời: Đầu tháng 6 học sinh được nghỉ hè.</p> <p>- Các bạn vừa hỏi và nói là nói về gì? - Đó là kiểu câu gì? - Cho học sinh thảo luận theo nhóm đôi, trả lời + Khi nào học sinh tựu trường? + Mẹ thường khen em khi nào? - Cùng học sinh nhận xét. =>GV chốt nội dung. <i>Lưu ý giúp đỡ để đối tượng MI hoàn thành bài tập</i></p>	<p>+Mùa thu: ý c, e +Mùa đông; ý d</p> <p>- Học sinh lắng nghe. - 2 học sinh thực hành hỏi đáp. - Theo dõi.</p> <p>- Nói về thời gian.</p> <p>- Khi nào? - Thảo luận, chia sẻ <i>*Dự kiến ND chia sẻ:</i> + Cuối tháng tám học sinh tựu trường. + Mẹ thường khen em khi em chăm học</p>
<p>3. HĐ vận dụng, ứng dụng: (3 phút)</p> <p>- Hỏi lại tựa bài. - Một năm có mấy mùa, đó là các mùa nào? - Em thích mùa nào? Vì sao? - Giáo viên chốt lại những phần chính trong tiết học.</p>	
<p>4. HĐ sáng tạo (2 phút)</p> <p>-Viết một đoạn văn khoảng 3– 5 câu nói về một mùa trong năm mà em thích. - Nhận xét tiết học. Tuyên dương những học sinh có tinh thần học tập tốt. - Nhắc nhở học sinh về nhà xem lại bài đã làm, chuẩn bị bài sau.(...)</p>	

TẬP VIẾT:

CHỮ HOA P

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

- Viết đúng chữ hoa **P** (1 dòng cỡ vừa, 1 dòng cỡ nhỏ), chữ và câu ứng dụng:

Phong (1 dòng cỡ vừa, 1 dòng cỡ nhỏ), **Phong cảnh hấp dẫn** (3 lần)

2. Kỹ năng: Hiểu nội dung câu ứng dụng: **Phong cảnh hấp dẫn** là muốn nói phong cảnh đẹp, làm mọi người muốn đến thăm.

3. Thái độ: Rèn tính cẩn thận, chính xác. Yêu thích luyện chữ đẹp.

4. Năng lực: Góp phần hình thành và phát triển năng lực: Tự chủ và tự học; Giao tiếp và hợp tác; Giải quyết vấn đề và sáng tạo.

II. CHUẨN BỊ:

1. Đồ dùng dạy học:

- Giáo viên: Mẫu chữ (cỡ vừa), bảng phụ viết sẵn mẫu chữ, câu ứng dụng trên dòng kẻ (cỡ vừa và nhỏ)

- Học sinh: Vở Tập viết – Bảng con.


2. Phương pháp và hình thức tổ chức dạy học:

- Phương pháp vấn đáp, động não, quan sát, thực hành.

- Kỹ thuật đặt câu hỏi, trình bày một phút, tia chớp.

- Hình thức dạy học cả lớp, cá nhân.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC

Hoạt động dạy	Hoạt động học
1. HĐ khởi động: (5 phút)	
<ul style="list-style-type: none">- TBVN bắt nhịp cho lớp hát tập thể- Cho học sinh xem một số vở của những bạn viết đẹp giờ trước. Nhắc nhở lớp học tập các bạn- Giới thiệu bài mới - Ghi đầu bài lên bảng.	<ul style="list-style-type: none">- HS hát bài: <i>Chữ đẹp, nét càng ngoan</i>- Học sinh quan sát và lắng nghe.- Theo dõi
2. HĐ nhận diện đặc điểm và cách viết: (10 phút) *Mục tiêu: Biết viết chữ hoa theo cỡ vừa và nhỏ, chữ trong câu ứng dụng trên bảng con. Hiểu nghĩa câu ứng dụng. *Cách tiến hành: Hoạt động cả lớp	
Việc 1: Hướng dẫn quan sát, nhận xét: <ul style="list-style-type: none">- Giáo viên treo chữ P hoa (đặt trong khung).- Giáo viên hướng dẫn học sinh quan sát, nhận xét: + Chữ P hoa cao mấy li?+ Chữ hoa P gồm có những nét cơ bản nào? <p>- Giáo viên chốt ý: Chữ P cỡ vừa cao 5 li, gồm 2 nét: nét 1 giống nét 1 của chữ B, nét 2 là nét cong trên có hai đầu uốn vào trong không đều nhau.</p> Việc 2: Hướng dẫn viết: <ul style="list-style-type: none">- Nhắc lại cấu tạo nét chữ: Chữ P gồm 2 nét: nét 1 giống nét 1 của chữ B, nét 2 là nét cong trên có hai đầu uốn vào trong không đều nhau.- Nêu cách viết chữ:<ul style="list-style-type: none">+ Nét 1: Đặt bút trên ĐK6, viết nét móc ngược trái như nét 1 của chữ B, dừng bút trên ĐK2+ Nét 2: Từ điểm dừng bút của nét 1, lia bút lên	<p>Học sinh quan sát.</p> <p>+ Học sinh chia sẻ cặp đôi -> Thống nhất trước lớp:</p> <p>+ Cao 5 li.</p> <p>+ Chữ hoa P gồm 2 nét: nét 1 giống nét 1 của chữ B, nét 2 là nét cong trên có hai đầu uốn vào trong không đều nhau.</p> <p>- Học sinh lắng nghe.</p> <p>- Học sinh lắng nghe.</p> <p>- Học sinh lắng nghe, ghi nhớ.</p>

<p>ĐK5, viết nét cong trên có hai đầu uốn vào trong, dùng bút ở giữa ĐK4 và ĐK5.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giáo viên viết mẫu chữ P cỡ vừa trên bảng lớp, hướng dẫn học sinh viết trên bảng con. - Giáo viên nhận xét uốn nắn cho học sinh cách viết các nét. <p>Việc 3: Hướng dẫn viết câu ứng dụng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giáo viên giới thiệu câu ứng dụng. - Gọi học sinh đọc câu ứng dụng. - Giúp học sinh hiểu nghĩa câu ứng dụng: "Phong cảnh hấp dẫn" ý muốn nói phong cảnh đẹp, làm mọi người muốn đến thăm. - Giáo viên: Câu văn gọi cho em nghĩ đến cảnh vật thiên nhiên như thế nào? Khi đến thăm những cảnh như vậy các em phải như thế nào? - Cụm từ này gồm có mấy tiếng? Gồm những tiếng nào? - Hướng dẫn học sinh quan sát nhận xét: <ul style="list-style-type: none"> + Các chữ P, h, g cao mấy li? + Con chữ p, d cao mấy li? + Những con chữ nào có độ cao bằng nhau và cao mấy li? + Đặt dấu thanh ở những chữ cái nào? + Khoảng cách giữa các chữ như thế nào? <p>Giáo viên lưu ý:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giáo viên viết mẫu chữ P (cỡ vừa và nhỏ). - Luyện viết bảng con chữ Phong. - Giáo viên theo dõi, uốn nắn. Lưu ý học sinh cách viết liền mạch. 	<ul style="list-style-type: none"> - Quan sát và thực hành. - Lắng nghe. - Quan sát. - Học sinh đọc câu ứng dụng. - Lắng nghe. - Học sinh nêu. <p><i>*Dự kiến ND chia sẻ:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - 1 em nêu: 4 tiếng: Phong, cảnh, hấp, dẫn. - Học sinh trả lời: <ul style="list-style-type: none"> + Cao 2 li rưỡi. + Cao 2 li. + Các chữ o, n, a, â có độ cao bằng nhau và cao 1 li. + Dấu hỏi đặt trên con chữ a trong chữ cảnh, dấu sắc trên con chữ â trong chữ hấp và dấu ngã trên con chữ â trong chữ dẫn. + Khoảng cách giữa các chữ rộng bằng khoảng 1 con chữ. - Quan sát. - Học sinh viết chữ Phong trên bảng con. - Lắng nghe và thực hiện
<p>3. HĐ thực hành viết trong vở: (15 phút)</p> <p>*Mục tiêu: Học sinh trình bày đúng và đẹp nội dung trong vở tập viết.</p> <p>*Cách tiến hành: Hoạt động cả lớp - cá nhân</p>	
<p>Việc 1: Hướng dẫn viết vào vở.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giáo viên nêu yêu cầu viết: <ul style="list-style-type: none"> + 1 dòng chữ P cỡ vừa, 1 dòng cỡ nhỏ. + 1 dòng chữ Phong cỡ vừa, 1 dòng cỡ nhỏ. + 3 dòng câu ứng dụng cỡ nhỏ. - Nhắc nhở học sinh tư thế khi ngồi viết và các lưu ý cần thiết. - Giáo viên lưu ý học sinh quan sát các dấu 	<ul style="list-style-type: none"> - Quan sát, lắng nghe. - Lắng nghe và thực hiện.

chăm trên dòng kẻ của vở là điểm đặt bút. Việc 2: Viết bài: - Giáo viên yêu cầu học sinh viết bài, từng dòng theo hiệu lệnh của giáo viên. <i>- Theo dõi, giúp đỡ học sinh viết chậm.</i>	- Học sinh viết bài vào vở Tập viết theo hiệu lệnh của giáo viên.
4. HĐ vận dụng, ứng dụng: (3 phút) - Giáo viên chấm một số bài. - Nhận xét, tuyên dương những học sinh viết tốt. - Trưng bày một số bài đẹp cho cả lớp lên tham khảo. - Yêu cầu học sinh nhắc lại nội dung bài học, những điểm cần ghi nhớ. - HS nhắc lại quy trình viết chữ P	
5. Hoạt động sáng tạo: (2 phút) - Viết chữ hoa “P” và câu “ <i>Phong cảnh hấp dẫn</i> ” kiểu chữ sáng tạo. - Về nhà tự luyện viết thêm cho đẹp hơn. - Nhận xét tiết học. - Yêu cầu học sinh về hoàn thành nốt bài viết và tự luyện viết một số chữ viết chưa đẹp.	

TOÁN:

TIẾT 93: THỪA SỐ - TÍCH

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

- Biết thừa số, tích.
- Biết viết tổng các số hạng bằng nhau dưới dạng tích và ngược lại.
- Biết cách tính kết quả của phép nhân dựa vào phép cộng.

2. Kỹ năng:

3. Thái độ: Giáo dục học sinh tính cẩn thận, gọn gàng, khoa học. Yêu thích học toán.

*Bài tập cần làm: bài tập 1 (b,c), bài tập 2b, bài tập 3.

4. Năng lực: Góp phần hình thành và phát triển năng lực: Tự chủ và tự học; Giải quyết vấn đề và sáng tạo; Tư duy và lập luận toán học; Mô hình hóa toán học; Giao tiếp toán học.

II. CHUẨN BỊ:

1. Đồ dùng dạy học:

- Giáo viên: Sách giáo khoa, bảng phụ.
- Học sinh: sách giáo khoa.

2. Phương pháp và hình thức tổ chức dạy học:

- Phương pháp vấn đáp, động não, quan sát, thực hành, trò chơi học tập.
- Kỹ thuật đặt câu hỏi, trình bày một phút, tia chớp, kỹ thuật động não
- Hình thức dạy học cả lớp, cá nhân.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:

Hoạt động dạy	Hoạt động học
1. HĐ khởi động: (3 phút)	

<p>- CT.HĐTQ điều hành trò chơi: Đoán nhanh đáp số</p> <p>- CT.HĐTQ đọc một số phép nhân để học sinh nêu kết quả: 2×5; 4×4; 5×3; 6×2; 3×2.</p> <p>- GV nhận xét chung, tuyên dương học sinh.</p> <p>- Giới thiệu bài mới và ghi đầu bài lên bảng: Thừa số - tích.</p>	<p>- Học sinh chủ động tham gia chơi.</p> <p>- Lắng nghe.</p> <p>- Học sinh mở sách giáo khoa, trình bày bài vào vở.</p>
<p>2. HĐ hình thành kiến thức mới: (15 phút)</p> <p>*Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biết thừa số, tích. - Biết viết tổng các số hạng bằng nhau dưới dạng tích và ngược lại. - Biết cách tính kết quả của phép nhân dựa vào phép cộng. <p>*Cách tiến hành: Làm việc cả lớp</p>	
<p>- Giáo viên ghi bảng: $2 \times 5 = 10$. Gọi học sinh đọc.</p> <p>- Hướng dẫn học sinh biết tên gọi của từng thành phần trong phép nhân: $\text{thừa số} \times \text{thừa số} = \text{tích}$.</p> <p>- Lưu ý: $2 \times 5 = 10$. 10 là tích, 2×5 cũng gọi là tích, như vậy sẽ có: tích = tích.</p> <p><i>Lưu ý giúp đỡ đối tượng M1, M2</i></p>	<p>- Đọc: hai nhân năm bằng mười.</p> <p>- Theo dõi, đọc.</p> <p>- Theo dõi, nhắc lại.</p>
<p>3. HĐ thực hành: (14 phút)</p> <p>*Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biết thừa số, tích. - Biết viết tổng các số hạng bằng nhau dưới dạng tích và ngược lại. - Biết cách tính kết quả của phép nhân dựa vào phép cộng. <p>*Cách tiến hành:</p>	
<p>*GV giao nhiệm vụ: YC HS làm một số bài tập</p> <p>*GV trợ giúp HS hạn chế</p> <p>*TBHT điều hành HĐ chia sẻ</p> <p>Bài 1 (b,c): Làm việc cá nhân – Chia sẻ trước lớp</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lưu ý câu mẫu: mấy được lấy mấy lần? Nên viết thành tích như thế nào? - Viết ngay sau dấu = vì kết quả bằng nhau. - Nhận xét bài làm từng em. <p>Bài 2b: Làm việc cá nhân – Chia sẻ trước lớp</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trợ giúp câu mẫu: 6×2 là 6 được lấy 2 lần, viết $6 + 6 = 12$. (lưu ý tính tổng trước). - Vậy $6 \times 2 = 12$, gọi học sinh đọc phép tính. - Yêu cầu học sinh lên bảng chia sẻ kết quả. - Nhận xét bài làm học sinh. 	<p>- Học sinh thực hiện theo YC</p> <p>*Dự kiến nội dung chia sẻ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh tự tìm hiểu yêu cầu của bài và làm bài. - Học sinh quan sát,... - HS làm bài cá nhân - Kiểm tra chéo trong cặp. b) $2 + 2 + 2 + 2 = 2 \times 4$ c) $10 + 10 + 10 = 10 \times 3$ - Học sinh tự tìm hiểu yêu cầu của bài và làm bài. - HS làm bài cá nhân - Kiểm tra chéo trong cặp. b) $3 \times 4 = 3 + 3 + 3 + 3 = 12$ $4 \times 3 = 4 + 4 + 4 = 12$